

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 31/5/2021

*“V/v: Tranh chấp về xác định cha
cho con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Dũng
2. Bà Lại Thị Thúy Hằng

- *Thư ký phiên tòa:* ông Phạm Thái Học – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 192/2020/TLST-DS ngày 21/12/2020 về việc “Tranh chấp về xác định cha cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 13/5/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà H T T, sinh năm: 1980

Nơi cư trú: tổ 4, ấp 4, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* ông L Đ H, sinh năm: 1966

Nơi cư trú: tổ 4, ấp 4, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông N V D, sinh năm: 1977.

Nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

(Bà T, ông H và ông D vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2020, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà H T T trình bày:* Bà và ông N V D kết hôn với nhau vào năm 2005, sau khi kết hôn với nhau thì cuộc sống hôn nhân chỉ hạnh phúc đến năm 2013 thì ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nên bà và ông D đã sống ly thân nhau cho đến năm 2019 thì bà và ông D đã ly hôn bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 104/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Trong thời gian bà và ông D sống ly thân thì bà có quan hệ tình cảm và

chung sống với ông L Đ H, giữa bà và ông H có với nhau hai người con chung là cháu trai sinh ngày 16/11/2014 theo Giấy chứng sinh số 1984, quyển số 18 ngày 16/11/2014 của Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai và cháu gái sinh ngày 23/5/2018 theo Giấy chứng sinh số 3244, quyển số 30 ngày 23/5/2018 của Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Sau khi ly hôn với ông D thì bà và ông H vẫn chung sống với nhau như vợ chồng mà chưa đăng ký kết hôn. Tuy nhiên từ khi sinh ra đến nay thì hai cháu bé chưa được làm thủ tục đăng ký khai sinh, vì hai cháu bé được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của bà và ông D còn tồn tại nên khi bà và ông H đi đăng ký làm thủ tục khai sinh cho hai bé có cha ruột là ông H thì không làm được. Nay bà yêu cầu Tòa án xác định ông L Đ H, sinh năm: 1966 là cha ruột của hai cháu sau: cháu trai sinh ngày 16/11/2014 theo Giấy chứng sinh số 1984, quyển số 18 ngày 16/11/2014 của Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai và cháu gái sinh ngày 23/5/2018 theo Giấy chứng sinh số 3244, quyển số 30 ngày 23/5/2018 của Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Mục đích yêu cầu của bà là để làm thủ tục đăng ký khai sinh cho hai bé theo quy định của pháp luật.

Bà đồng ý với Phiếu kết quả xét nghiệm AND ngày 23/01/2021 của Trung tâm công nghệ di truyền Việt Nam. Bà T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định AND là 7.500.000 đồng, bà không yêu cầu ông H trả số tiền này.

- Theo các lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông L Đ H trình bày: Ông thống nhất với tất cả các lời trình bày của bà T, ông xác định cháu trai sinh ngày 16/11/2014 theo Giấy chứng sinh số 1984, quyển số 18 ngày 16/11/2014 của Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai và cháu gái sinh ngày 23/5/2018 theo Giấy chứng sinh số 3244, quyển số 30 ngày 23/5/2018 của Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh, tỉnh Đồng Nai là con ruột của ông và bà T được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và chồng cũ bà T là ông D đang tồn tại. Nay ông đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T và đồng ý với Phiếu kết quả xét nghiệm AND ngày 21/01/2021 của Trung tâm công nghệ di truyền Việt Nam.

- Theo lời khai trong hồ sơ thể hiện ông N V D trình bày: Ông và bà H T T, sinh năm 1980 trước đây là vợ chồng với nhau. Trong thời gian còn là vợ chồng với nhau thì giữa ông và bà T có xảy ra mâu thuẫn nên từ năm 2013 ông và bà T đã sống ly thân nhau cho đến khi ly hôn nhau vào năm 2019 do Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam giải quyết. Ông xác định trong thời gian hôn nhân giữa ông và bà T còn tồn tại thì ông bà chỉ có với nhau 02 người con chung là cháu Nguyễn Tấn Dinh, sinh năm 2006 và cháu Nguyễn Thị Thanh Thùy, sinh năm 2011, ngoài ra không còn người con nào khác. Ông xác định hai người con mà bà T yêu cầu khởi kiện để xác định cha cho con trong vụ án này không PH là con ruột của ông. Đây là con

của bà T với người đàn ông khác được sinh ra trong thời gian ông và bà T đang sống ly thân nhau và hôn nhân giữa ông bà còn tồn tại. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông không có ý kiến gì và cũng không tranh chấp gì trong vụ án này. Ông xác định không liên quan gì trong vụ án này và đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt ông.

* Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao chứng thực); giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); hai giấy chứng sinh (bản sao); hồ sơ phiếu kết quả xét nghiệm AND của con giả định L M H và Lê Thị Như Hoài (bản chính); các bản tự khai, biên bản lấy lời khai (bản chính); biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (bản chính); biên bản ghi nhận sự việc (bản chính); Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 104/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (sao lục);

* Quan điểm của Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng. Các đương sự có đơn và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

Về nội dung: áp dụng Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà H T T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xác định ông L Đ H, sinh năm 1966, trú tại tổ 4, ấp 4, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai là cha ruột của con mình là cháu trai sinh ngày 16/11/2014 theo Giấy chứng sinh số 1984, quyển số 18 ngày 16/11/2014 của Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai và cháu gái sinh ngày 23/5/2018 theo Giấy chứng sinh số 3244, quyển số 30 ngày 23/5/2018 của Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh, tỉnh Đồng Nai nên đây là vụ án về "Tranh chấp về xác định cha cho con" theo khoản 4 Điều 28 của BLTTDS. Bị đơn ông L Đ H có cư trú tại tổ 4, ấp 4, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật TTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà H T T và bị đơn ông L Đ H thừa nhận cháu trai sinh ngày 16/11/2014 theo Giấy chứng sinh số 1984, quyển số 18 ngày 16/11/2014 của Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai và cháu gái sinh ngày 23/5/2018 theo Giấy chứng sinh số 3244, quyển số 30 ngày 23/5/2018 của Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh, tỉnh Đồng Nai là con ruột của ông bà. Theo Phiếu kết quả xét nghiệm AND ngày 23/01/2021 của Trung tâm công nghệ di truyền Việt Nam thì cháu trai sinh ngày 16/11/2014 theo Giấy chứng sinh số 1984, quyển số 18 ngày 16/11/2014 của Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, quan hệ con giả định có tên L M H với quan hệ cha giả định L Đ H thì mẫu AND ký hiệu L Đ H và mẫu AND ký hiệu L M H có quan hệ huyết thống Cha – Con, với tần suất 99,9999745%. Và cháu gái sinh ngày 23/5/2018 theo Giấy chứng sinh số 3244, quyển số 30 ngày 23/5/2018 của Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh, tỉnh Đồng Nai quan hệ con giả định có tên Lê Thị Như Hoài với quan hệ cha giả định L Đ H thì mẫu AND ký hiệu L Đ H và mẫu AND ký hiệu Lê Thị Như Hoài có quan hệ huyết thống Cha – Con, với tần suất 99,9999712%. Ông D cũng xác định hai cháu trên không pH là con của ông. Do đó việc bà T yêu cầu Tòa án xác định ông L Đ H, sinh năm 1966 là cha ruột của cháu trai và cháu gái trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Về chi phí giám định AND: bà T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định là 7.500.000 đồng nên ghi nhận sự tự nguyện này của bà T.

[4] Về án phí: theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì vụ án này thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí. Vì vậy, các đương sự trong vụ án không pH chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nên miễn án phí cho bà T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 88, 89, 91 và khoản 2 Điều 101 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H T T.

Xác định ông L Đ H, sinh năm 1966 là cha đẻ của cháu trai sinh ngày 16/11/2014 theo Giấy chứng sinh số 1984, quyền số 18 ngày 16/11/2014 của Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai và cháu gái sinh ngày 23/5/2018 theo Giấy chứng sinh số 3244, quyền số 30 ngày 23/5/2018 của Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Bà H T T và ông L Đ H được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký khai sinh cho trẻ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về chi phí giám định: Ghi nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định AND là 7.500.000 đồng của bà H T T và bà T đã nộp đủ số tiền này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H T T.

4. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ .

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- Thi hành án dân sự H. Cẩm Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Hoài Bảo